

Số: 154/TB-HĐXT

Cẩm Thủy, ngày 18 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả xét tuyển viên chức và dự kiến thí sinh trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức, năm 2025

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BYT ngày 14/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ YHDP, y sĩ. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BYT ngày 14/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BYT ngày 14/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược. Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập. Văn bản hợp nhất số 4/VBHN-BNV ngày 19/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Căn cứ Công văn số 1567/UBND-THKH ngày 05 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy;

Thực hiện Phương án số 62/PA-BVCT ngày 13/02/2025 của Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy về việc tuyển dụng viên chức, năm 2025.

Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy thông báo kết quả xét tuyển viên chức, năm 2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả xét tuyển

- Số thí sinh đăng ký xét tuyển: 39 người
- Số thí sinh tham dự phỏng vấn: 38 người
- Số thí sinh vắng mặt: 01 người
- Số thí sinh dự kiến trúng tuyển: 38 người (Có danh sách kèm theo)

2. Tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo

Các thí sinh có ý kiến về kết quả xét tuyển đề nghị gửi đơn đề nghị đến Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy trước ngày 22/04/2025 để xem xét, giải quyết.

Lưu ý:

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với nội dung phỏng vấn;
- Không giải quyết đơn đề nghị gửi sau thời hạn nêu trên.

Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy thông báo nội dung trên để các thí sinh tham dự xét tuyển biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Website bệnh viện;
- Các thí sinh tham dự xét tuyển;
- Thành viên Hội đồng xét tuyển;
- Lưu HĐXT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Khánh



BỆNH VIỆN ĐK CẨM THỦY
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 154/TB-BVCT ngày 18/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Giá m khảo 1	Giá m khảo 2	Điểm phỏng vấn trung bình	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ								Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10= (8+	11	12=1 0+11	13
Vị trí Bác sĩ hạng III												
01	Nguyễn Duy Bôn	19/02/1998		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	95	96	95.5	5	101	Một trăm linh một điểm
02	Trương Thị Chinh		05/8/1997	Lương Nội, Bá Thước, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm
03	Phạm Thu Hà		01/9/1998	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm
04	Bùi Thu Hằng		30/11/1995	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	90	90	5	95	Chín mươi lăm điểm
05	Phạm Thanh Hằng		24/7/1996	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ YHCT	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm
06	Phạm Lê Hoàng	22/10/1993		Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm
07	Đặng Tùng Lâm	15/3/1999		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	85	85	85	0	85	Tám mươi lăm điểm
08	Lê Ngọc Linh		07/6/2000	Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	87	87	87	5	92	Chín mươi hai điểm
09	Phùng Thị Bích Ngọc		03/3/1998	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	95	95	95	0	95	Chín mươi lăm điểm
10	Hà Thị Thành		20/9/1999	Cẩm Quý, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	85	85	85	5	90	Chín mươi điểm
11	Trần Thu Trang		08/10/2000	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	0	90.5	Chín mươi phẩy năm điểm
12	Vũ Thị Thu		10/10/2000	Cẩm Bình, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	86.5	86	86.3	5	91.3	Chín mươi một phẩy ba điểm
13	Nguyễn Văn Thắng	03/9/1990		Cẩm Bình, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	91	91	91	0	91	Chín mươi một điểm
Điều dưỡng hạng III												
14	Lê Thị Lan Anh		08/3/2000	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Giá m khảo 1	Giá m khảo 2	Điểm phỏng vấn trung bình	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ								Bảng số	Bảng chữ
15	Nguyễn Thị Lan Anh		08/2/2000	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	91	91	91	0	91	Chín mươi một điểm
16	Phạm Thị Hòa		20/10/2001	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	91	91	91	0	91	Chín một điểm
17	Nguyễn Khánh Huyền		09/3/1999	Cẩm Yên, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm
18	Phùng Thị Hoàng Lan		01/02/2002	Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	90	85	87.5	5	92.5	Chín mươi hai phẩy năm điểm
19	Trương Phương Linh		19/01/2002	Cẩm Tú, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	85	85	85	0	85	Tám mươi lăm điểm
Điều dưỡng hạng IV												
20	Hoàng Tuấn An	11/8/1994		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	85.5	85	85.3	0	85.3	Tám mươi hai phẩy hai hai lăm điểm
21	Phạm Thị Kim Cúc		17/12/1994	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	87	85	86	5	91	Chín mươi một điểm
22	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		28/8/2000	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	90	91	90.5	5	95.5	Chín mươi lăm phẩy năm điểm
23	Đỗ Việt Hoàng	24/6/2000		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	72	70	71	0	71	Bảy mươi một điểm
24	Nguyễn Nam Phong	13/10/2001		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	76	76	76	0	76	Bảy mươi sáu điểm
25	Nguyễn Văn Toàn	21/4/2002		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	85	85	85	5	90	Chín mươi điểm
Kỹ thuật Y hạng III												
26	Phạm Đắc Ngôn	13/9/2000		Cẩm Vân, Cẩm Thủy, TH	Cử nhân KT HẢI	KTY hạng III	85	86	85.5	0	85.5	Tám mươi lăm phẩy năm điểm
Kỹ thuật Y hạng IV												
27	Lê Duy Khánh	17/02/2003		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD KT XNYH	KTY hạng IV	90	90	90	0	90	Chín mươi điểm
28	Lê Đạt Thành	28/7/1995		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Cao đẳng KT HẢI	KTY hạng IV	90	91	90.5	0	90.5	Chín mươi phẩy năm điểm
Dược sỹ hạng III												
29	Cao Thị Duyên		02/02/2000	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, TH	DS Đại học	Dược sỹ hạng III	91	89	90	5	95	Chín mươi lăm điểm
30	Nguyễn Linh Chi		05/3/2001	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	DS Đại học	Dược sỹ hạng III	91	90	90.5	0	90.5	Chín mươi phẩy năm điểm
Dược sỹ hạng IV												

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Giá m khảo 1	Giá m khảo 2	Điểm phỏng vấn trung bình	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ								Bảng số	Bảng chữ
31	Kiều Thị Vân Anh		01/11/1992	Thạch Quảng, Thạch Thành, TH	DS Cao đẳng	DS hạng IV	95	94	94.5		94.5	Chín mươi bốn phẩy năm điểm
32	Đỗ Thị Diễm Quỳnh		13/10/1999	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	DS Cao đẳng	DS hạng IV	85	87	86		86	Tám mươi sáu điểm
	Kế toán viên hạng III											
33	Trịnh Thị Dung		07/02/2001	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Cử nhân TCDN	KT hạng III	83.5	90	86.8	5	91.8	Chín mươi một phẩy bảy lăm điểm
34	Trần Thị Thu Giang		15/5/1990	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Cử nhân kế toán	KT hạng III	87.5	82	84.8	0	84.8	Tám mươi tư phẩy bảy lăm điểm
	Chuyên viên											
35	Trần Thị Huyền		16/3/2000	Cẩm Thành, Cẩm Thủy, TH	Được sĩ Đại học	CV 01.003	88	86	87	5	92	Chín mươi hai điểm

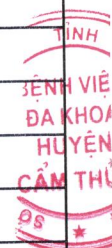


BỆNH VIỆN ĐK CẨM THỦY
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025
(Kèm theo Tờ trình 154/TB-BVCT ngày 18/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Giá m khảo 1	Giá m khảo 2	Điểm phỏng vấn trung	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ								Bảng số	Bảng chữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10= (8+9)/2	11	12=10+11	13
	Vị trí Bác sĩ hạng III											
01	Nguyễn Duy Bôn	19/02/1998		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	95	96	95.5	1	96.5	Chín mươi sáu phẩy năm điểm
02	Trương Thị Chinh		05/8/1997	Lương Nội, Bá Thước, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi một phẩy năm điểm
03	Phạm Thu Hà		01/9/1998	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi một phẩy năm điểm
04	Bùi Thu Hằng		30/11/1995	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	90	90	1	91	Chín mươi một điểm
05	Phạm Thanh Hằng		24/7/1996	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ YHCT	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi một phẩy năm điểm
06	Phạm Lê Hoàng	22/10/1993		Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi một phẩy năm điểm
07	Đặng Tùng Lâm	15/3/1999		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	85	85	85	0	85	Tám mươi lăm điểm
08	Lê Ngọc Linh		07/6/2000	Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	87	87	87	1	88	Tám mươi tám điểm
09	Phùng Thị Bích Ngọc		03/3/1998	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	95	95	95	0	95	Chín mươi lăm điểm
10	Hà Thị Thành		20/9/1999	Cẩm Quý, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	85	85	85	1	86	Tám mươi sáu điểm
11	Trần Thu Trang		08/10/2000	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	90	91	90.5	0	90.5	Chín mươi phẩy năm điểm
12	Vũ Thị Thu		10/10/2000	Cẩm Bình, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	86.5	86	86.3	1	87.25	Tám mươi bảy phẩy hai lăm điểm
13	Nguyễn Văn Thắng	03/9/1990		Cẩm Bình, Cẩm Thủy, TH	Bác sỹ Y khoa	Bác sĩ hạng III	91	91	91	0	91	Chín mươi một điểm
	Điều dưỡng hạng III											
14	Lê Thị Lan Anh		08/3/2000	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi một phẩy năm điểm

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Giá m khảo 1	Giá m khảo 2	Điểm phỏng vấn trung	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ								Bảng số	Bảng chữ
15	Nguyễn Thị Lan Anh		08/2/2000	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	91	91	91	0	91	Chín mươi một điểm
16	Phạm Thị Hòa		20/10/2001	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	91	91	91	0	91	Chín một điểm
17	Nguyễn Khánh Huyền		09/3/1999	Cẩm Yên, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi một phẩy năm điểm
18	Phùng Thị Hoàng Lan		01/02/2002	Cẩm Thạch, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	90	85	87.5	1	88.5	Tám mươi tám phẩy năm điểm
19	Trương Phương Linh		19/01/2002	Cẩm Tú, Cẩm Thủy, TH	ĐH Điều dưỡng	ĐD hạng III	85	85	85	0	85	Tám mươi lăm điểm
Điều dưỡng hạng IV												
20	Hoàng Tuấn An	11/8/1994		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	85.5	85	85.3	0	85.25	Tám mươi hai phẩy hai hai lăm điểm
21	Phạm Thị Kim Cúc		17/12/1994	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	87	85	86	1	87	Tám mươi bảy điểm
22	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		28/8/2000	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	90	91	90.5	1	91.5	Chín mươi phẩy năm điểm
23	Đỗ Việt Hoàng	24/6/2000		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	72	70	71	0	71	Bảy mươi một điểm
24	Nguyễn Nam Phong	13/10/2001		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	76	76	76	0	76	Bảy mươi sáu điểm
25	Nguyễn Văn Toàn	21/4/2002		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD điều dưỡng	ĐD hạng IV	85	85	85	1	86	Tám mươi sáu điểm
Kỹ thuật Y hạng III												
26	Phạm Đắc Ngôn	13/9/2000		Cẩm Vân, Cẩm Thủy, TH	Cử nhân KT HẢI	KTY hạng III	85	86	85.5	0	85.5	Tám mươi lăm phẩy năm điểm
Kỹ thuật Y hạng IV												
27	Lê Duy Khánh	17/02/2003		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	CD KT XNYH	KTY hạng IV	90	90	90	0	90	Chín mươi điểm
28	Lê Đạt Thành	28/7/1995		TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Cao đẳng KT HẢI	KTY hạng IV	90	91	90.5	0	90.5	Chín mươi phẩy năm điểm
Dược sỹ hạng III												
29	Cao Thị Duyên		02/02/2000	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, TH	DS Đại học	Dược sỹ hạng III	91	89	90	1	91	Chín mươi một điểm
30	Nguyễn Linh Chi		05/3/2001	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	DS Đại học	Dược sỹ hạng III	91	90	90.5	0	90.5	Chín mươi phẩy năm điểm
Dược sỹ hạng IV												
31	Kiều Thị Vân Anh		01/11/1992	Thạch Quảng, Thạch Thành, TH	DS Cao đẳng	DS hạng IV	95	94	94.5		94.5	Chín mươi bốn phẩy năm điểm



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn (ghi theo bảng điểm)	Vị trí tuyển dụng	Giá m khảo 1	Giá m khảo 2	Điểm phỏng vấn trung	Điểm ưu tiên (nếu có)	Tổng điểm	
		Nam	Nữ								Bảng số	Bảng chữ
32	Đỗ Thị Diễm Quỳnh		13/10/1999	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	DS Cao đẳng	DS hạng IV	85	87	86		86	Tám mươi sáu điểm
	Kế toán viên hạng III											
33	Trịnh Thị Dung		07/02/2001	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Cử nhân TCDN	KT hạng III	83.5	90	86.8	1	87.75	Tám mươi sáu phẩy bảy lăm điểm
34	Trần Thị Thu Giang		15/5/1990	TT Phong Sơn, Cẩm Thủy, TH	Cử nhân kế toán	KT hạng III	87.5	82	84.8	0	84.75	Tám mươi tư phẩy bảy lăm điểm
	Chuyên viên											
35	Trần Thị Huyền		16/3/2000	Cẩm Thành, Cẩm Thủy, TH	Được sĩ Đại học	CV 01.003	88	86	87	1	88	Tám mươi tám điểm

